TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 636/2020/DS-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Thái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Thạnh**;

2. Bà **Võ Phương Trang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Thanh Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Ngọc Y, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số 69, Đường X, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn:

Ông Cao Điền H, sinh năm 1982;

Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 951/9, đường L, phường T, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Điền H: Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1982.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Văn S, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số 69, Đường X, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Thái Ngọc Y, sinh năm 1989.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/7/2020, Bản tự khai ngày 05/8/2020 và Biên bản hòa giải ngày 14/9/2020 của Tòa án, nguyên đơn bà Thái Ngọc Y, trình bày: Vợ chồng bà và vợ chồng ông Cao Điền H và bà Nguyễn Thị Lệ T là chỗ quen biết; ngày 04/7/2019, ông H, bà T có vay của vợ chồng bà số tiền 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền cùng ngày và được công chứng tại Văn phòng công chứng Bình Tân theo số công chứng 010608 ngày 04/7/2019; hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và không tính lãi đối với số tiền vay. Tuy nhiên, thực tế giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 2,5%/tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà T thanh toán tiền lãi đầy đủ cho đến ngày 15/3/2020 thì ngưng, bà đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông H, bà T thanh toán tiền lãi còn nợ nhưng không được; ông H, bà T tìm cách lẫn tránh do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông H và bà T phải thanh toán tiền vốn gốc còn nợ là 1.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Tại Bản tự khai ngày 21/8/2020 và Biên bản hòa giải ngày 14/9/2020 của Tòa án, bà Nguyễn Thị Lệ T, với tư cách là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của ông H, trình bày:

Ngày 29/6/2017, bà và ông H có vay của ông S, bà Y số tiền 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền cùng ngày và được công chứng tại Văn phòng công chứng Bình Tân theo số công chứng 013436 ngày 29/6/2017; theo đó, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và không tính lãi đối với số tiền vay. Tuy nhiên, thực tế giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 1,5%/tháng cùng với tiền khai thác cho thuê căn hộ B4.20_07, chung cư C, số 491, đường G, Phường Q, Quận Z trong thời gian 12 tháng; nội dung này được hai bên thỏa thuận và lập riêng Giấy thỏa thuận vay tiền viết tay ngày 29/6/2017. Phía bà T, ông H đã bàn giao căn hộ B4.20_07 cho ông S, bà Y tuy nhiên do căn hộ này bà và ông H đứng tên nên ông S, bà Y không cho thuê được do đó đã nhận lại căn hộ và thanh toán cho ông S, bà Y mỗi tháng 25.000.000 đồng tương đương lãi suất 2,5%/tháng; Hợp đồng vay này phía bà đã đóng lãi được 11 tháng tương đương số tiền 275.000.000 đồng.

Đến ngày 28/6/2018, do chưa thanh toán được tiền nợ vốn gốc theo thỏa thuận nên bà và ông H cùng ông S, bà Y thống nhất gia hạn hợp đồng vay bằng việc ký lại với nhau Hợp đồng vay tiền ngày 28/6/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng Bình Tân theo số công chứng 013707 ngày 28/6/2018; thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và không tính lãi đối với số tiền vay. Tuy nhiên, thực tế có tính lãi với lãi suất là 2,5%/tháng; nội dung này cũng được các bên thỏa thuận và lập riêng thành Giấy thỏa thuận vay

tiền viết tay ngày 28/6/2018; Hợp đồng vay này phía bà đã đóng lãi đủ 12 tháng tương đương số tiền 300.000.000 đồng.

Đến ngày 04/7/2019, do vẫn chưa thanh toán được nợ vốn gốc nên bà và ông H tiếp tục xin ông S, bà Y cho gia hạn thêm hợp đồng, theo đó hai bên ký lại Hợp đồng vay tiền ngày 04/7/2019, công chứng tại Văn phòng công chứng Bình Tân theo số công chứng 010608 ngày 04/7/2019; Hợp đồng vay tiền này cũng thể hiện thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và không tính lãi. Tuy nhiên, thực tế vẫn có thỏa thuận lãi suất vay là 2,5%/tháng; quá trình thực hiện Hợp đồng này do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid, làm ăn thua lỗ nên phía bà chỉ đóng lãi đến 15/3/2020 thì ngưng, số tiền đóng được là 8,5 tháng (tính từ ngày 29/6/2019) tổng cộng là 210.000.000 đồng.

Bà T cho rằng thực tế, chỉ có vay của ông S, bà Y 1.000.000.000 đồng từ năm 2017, do không có tiền trả nợ gốc nên sau khi kết thúc 12 tháng vay đã xin gia hạn thời hạn vay bằng cách ký với nhau hợp đồng vay tiền khác và số tiền lãi phía bà đã thanh toán cho ông S, bà Y từ ngày 29/6/2017 cho đến 15/3/2020 tổng cộng là 785.000.000 đồng, đối với số tiền lãi đã thanh toán bà và ông H có nộp Đơn yêu cầu phản tố ngày 21/8/2020 yêu cầu Tòa án xem xét điều chỉnh, cấn trừ 810.000.000 đồng tiền lãi đã thanh toán vào tiền nợ vốn gốc (thực tế là 785.000.000 đồng, do thời điểm nộp đơn tính toán chưa chính xác) còn lại bao nhiêu bà và ông H sẽ thanh toán cho ông S, bà Y.

Tại Bản tự khai ngày 05/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan _ ông Trương Văn S, trình bày: Ngày 04/7/2019, ông H và bà T có vay của vợ chồng ông số tiền 1.000.000.000 đồng, ông yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông H, bà T phải thanh toán số tiền này cho vợ chồng ông.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn thừa nhận hợp đồng vay giữa hai bên có thỏa thuận tiền lãi, với lãi suất là 2,5%/tháng, thừa nhận thỏa thuận lãi này là vượt quá lãi suất quy định của pháp luật là 10%/tháng đồng thời tự nguyện cấn trừ tiền lãi vượt mức đã nhận của ông H, bà T trong 31,5 tháng (từ ngày 29/6/2017 đến ngày 15/3/2020) là 258.950.000 đồng vào nợ vốn gốc 1.000.000.000 đồng, còn lại 741.050.000 đồng yêu cầu ông H, bà T phải thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn 1.000.000.000 đồng tiền vốn theo Hợp đồng vay ngày 04/7/2019; đối với số tiền này, bị đơn đã thanh toán lãi cho nguyên đơn từ ngày 29/6/2017 đến ngày 15/3/2020 là 31,5 tháng, theo mức lãi suất 2,5%/tháng với số tiền là 785.000.000 đồng; bị đơn chỉ đồng ý thanh toán cho nguyên đơn sau khi cấn trừ tiền lãi vượt quá quy định pháp luật vào vốn gốc, phần còn lại xin trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng quy định về quá trình thụ lý và giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục và trình tự phiên tòa quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự

nguyện của nguyên đơn về việc cấn trừ tiền lãi đã nhận vượt mức cho phép theo quy định của pháp luật, còn lại 741.050.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền này cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Thái Ngọc Y có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Cao Điền H và bà Nguyễn Thị Lệ T, có nơi cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/8/2020, bị đơn ông Cao Điền H và bà Nguyễn Thị Lệ T có Đơn phản tố cho rằng có vay của bà Y 1.000.000.000 đồng với lãi suất 2,5%/tháng, vay từ 29/6/ 2017, đã trả lãi được 33 tháng với số tiền 810.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án điều chỉnh tiền lãi đã trả cho bà Y theo lãi suất do pháp luật quy định, trừ 810.000.000 đồng vào nợ gốc; số tiền còn lại ông, bà sẽ thanh toán cho bà Y. Ngày 21/8/2020, Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 321/TB-TA tống đạt cho ông H, bà T đồng thời ấn định thời hạn để nộp tạm ứng án phí để Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố của ông H bà T. Tuy nhiên, hết thời hạn được ấn định, ông H, bà T không thực hiện nộp tạm ứng án phí theo yêu cầu, việc này bà T đã thừa nhận tại Biên bản hòa giải ngày 14/9/2020; do bị đơn không nộp tạm ứng án phí theo quy định nên chưa đủ điều kiện để Tòa án thụ lý, xem xét yêu cầu phản tố này của bị đơn theo quy định tại Điều 146, Điều 195, Điều 200 và Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thái Ngọc Y về việc yêu cầu ông Cao Điền H và bà Nguyễn Thị Lệ T phải thanh toán nợ vốn gốc theo Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về nợ vốn: Xét, căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 04/7/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Bình Tân theo số công chứng 010608 ngày 04/7/2019 do nguyên đơn cung cấp cùng lời khai thừa nhận của các bên có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Có đủ cơ sở xác định ông Cao Điền H và bà Nguyễn Thị Lệ T có vay và có nhận của bà Thái Ngọc Y và ông Trương Văn S số tiền 1.000.000.000 đồng, đối với khoản vay này các bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và có thỏa thuận lãi theo mức lãi suất là 2,5%/tháng. Qúa trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn đóng lãi đến 15/3/2020 thì ngưng không trả tiếp; do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền vốn gốc còn nợ là có cơ sở

xem xét, cần chấp nhận và buộc bị đơn phải thanh toán 1.000.000.000 đồng nợ vốn gốc cho nguyên đơn, thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cho rằng: Bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn tổng cộng là 785.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án điều chỉnh tiền lãi đã đóng theo mức lãi suất do pháp luật quy định, cấn trừ vào nợ gốc, số tiền còn lại sẽ thanh toán cho nguyên đơn. Xét, bị đơn có yêu cầu điều chỉnh tiền lãi nhưng không nộp tạm ứng án phí theo quy định nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã tự nguyện cấn trừ phần lãi vượt mức đã nhận của ông H, bà T là 258.950.000 vào nợ vốn gốc, chỉ yêu cầu ông H, bà T phải thanh toán 741.050.000 đồng; Xét, đề nghị này của nguyên đơn là tự nguyện và có lợi cho bị đơn, Hội đồng xét xử ghi nhận đồng thời buộc bị đơn phải thanh toán số tiền này cho nguyên đơn, thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với đề nghị của bị đơn về việc trả dần cho nguyên đơn mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

- Về nợ lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi đối với tiền vốn gốc còn nợ. Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

- Ông Cao Điền H và bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- Bà Thái Ngọc Y không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Ngọc Y:

Buộc ông Cao Điền H và bà Nguyễn Thị Lệ T trả cho bà Thái Ngọc Y số tiền 741.050.000 (bảy trăm bốn mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng. Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ khi bà Thái Ngọc Y có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Cao Điền H và bà Nguyễn Thị Lệ T chưa thanh toán thì hằng tháng ông Cao Điền H và bà Nguyễn Thị Lệ T còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số dư nợ gốc theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thi hành tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Ông Cao Điền H và bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 33.642.000 (ba mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Thái Ngọc Y 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0061478 ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận Bình Tân;*
- *VKSND TP. Hồ Chí Minh;*
- *TAND TP. Hồ Chí Minh;*
- *Chi cục THADS quận Bình Tân;*
- *Lưu: HS + VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Thái